

Số: 09/2024/QĐST-HNGĐ

Ba Đồn, ngày 04 tháng 5 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ các Điều 14, 15, 53, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Biên bản hoà giải thành ngày 24 tháng 4 năm 2024 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 01/2024/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2024, về việc “Tranh chấp về không công nhận vợ chồng”

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1971

Nơi cư trú: TDP N, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình

- Bị đơn: Bà Lê Thị H, sinh năm 1968

Nơi cư trú: TDP N, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Văn L và bà Lê Thị H.

- Về con chung: Hai bên đương sự thống nhất, quá trình chung sống ông L và bà H có 06 người con chung gồm: Nguyễn Thị D, sinh ngày 19/12/1992; Nguyễn Thị N, sinh ngày 28/6/1995; Nguyễn Thị Thu L, sinh ngày 02/02/1997; Nguyễn Thị T, sinh ngày 06/11/2002; Nguyễn Thị H, sinh ngày 26/8/2003; Nguyễn Thị L, sinh ngày 12/10/2006.

Hiện các con Nguyễn Thị D; Nguyễn Thị N; Nguyễn Thị Thu L; Nguyễn Thị T; Nguyễn Thị H đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; Đối với con Nguyễn Thị L, sinh ngày 12/10/2006, hai bên thỏa thuận giao cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, ông L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng, kể từ tháng 04/2024 cho đến khi con trưởng thành có khả năng lao động hoặc có tài sản tự nuôi sống bản thân.

Sau khi không công nhận quan hệ vợ chồng người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ qua lại thăm nom con mà không ai được quyền cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Hai bên đương sự thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Ông L, bà H nộp mỗi người 75.000 đồng tiền án phí ly hôn, ông L nộp 150.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ để nộp vào ngân sách Nhà nước; ông L thỏa thuận nộp thay tiền án phí ly hôn cho bà H nhưng được trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã B theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003269 ngày 04 tháng 01 năm 2024. Ông L, bà H đã nộp đủ tiền án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND thị xã B;
- Chi cục THADS thị xã B;
- Đương sự;
- UBND phường Q;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Tưởng Thị Hà